

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam có phiên tăng điểm nhẹ sau công bố của Bộ Y Tế vào sáng sớm ngày hôm nay cho biết Việt Nam không xuất hiện ca nhiễm Covid-19 mới

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL diễn biến tăng nhẹ

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

HVN

[Cập nhật công ty]

SCS

[Quan điểm đầu tư]

Khuyến nghị chờ đợi những phiên điều chỉnh mạnh, khi VNINDEX quay xuống vùng hỗ trợ 820-825 trước khi mở lại 1 phần vị thế trading ngắn hạn

10/08/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	843.20	+0.21
VN30	784.30	+0.27
HĐTL VN30F1M	782.40	+0.23
HNXIndex	113.64	+0.76
HNX30	210.78	+0.64
UPCoM	56.30	+0.14
USD/VND	23,177	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.85	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.23	+8
Dầu (WTI, \$)	41.96	+1.80
Vàng (LME, \$)	2,034.48	-0.05



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 843.20 (+0.21%)
KLGD (triệu CP) 277.4 (+24.9%)
GTGD (triệu US\$) 210.0 (+6.8%)

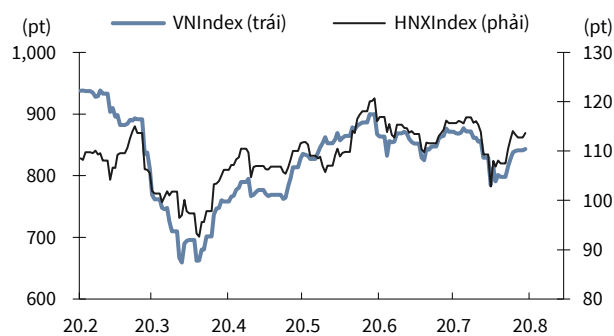
HNXIndex 113.64 (+0.76%)
KLGD (triệu CP) 47.4 (+53.8%)
GTGD (triệu US\$) 18.3 (+33.3%)

UPCoM 56.30 (+0.14%)
KLGD (triệu CP) 15.0 (-22.6%)
GTGD (triệu US\$) 8.2 (+17.4%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -8.6

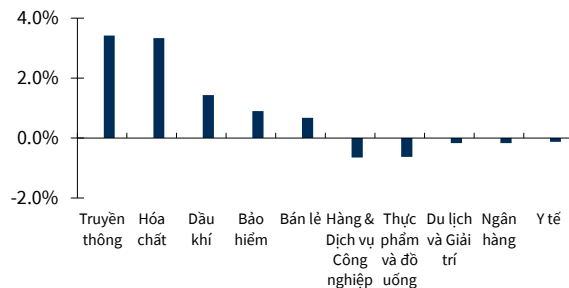
TTCK Việt Nam có phiên tăng điểm nhẹ sau công bố của Bộ Y Tế vào sáng sớm ngày hôm nay cho biết Việt Nam không xuất hiện ca nhiễm Covid-19 mới. Nhóm cổ phiếu ngân hàng đồng loạt tăng giá trước thông tin trên ở MBB (+0.9%), TCB (+1.3%), tuy nhiên cổ phiếu ngân hàng quốc doanh như BID (0%), VCB (-1.2%) giao dịch kém tích cực hơn khi NHNN gửi văn bản yêu cầu các NHTM cắt giảm chi phí hoạt động, lương, thưởng, lợi nhuận để tiếp tục giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp. Cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp như ITA (+6.8%), LHG (+6.8%) tăng trần sau nhận định của Bloomberg về việc Việt Nam sẽ hưởng lợi lớn từ việc Chính phủ Nhật Bản thúc đẩy các doanh nghiệp đa dạng hóa chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc. Báo cáo của Niesel cho biết người tiêu dùng Việt Nam lạc quan thứ 2 thế giới thời Covid-19 giúp nhóm cổ phiếu hàng tiêu dùng giao dịch tích cực ở MSN (+0.7%), MWG (+0.5%). Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng ở VHM (0%), AGG (-1.3%), VNM (-0.9%).

VNIndex & HNXIndex



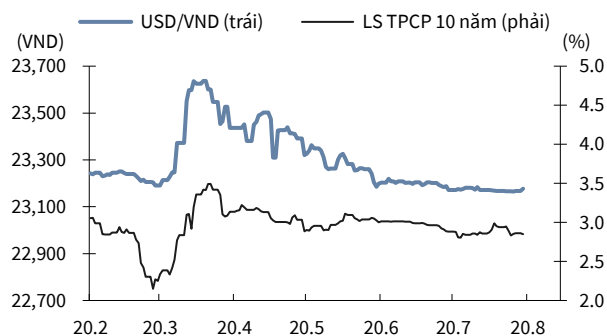
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



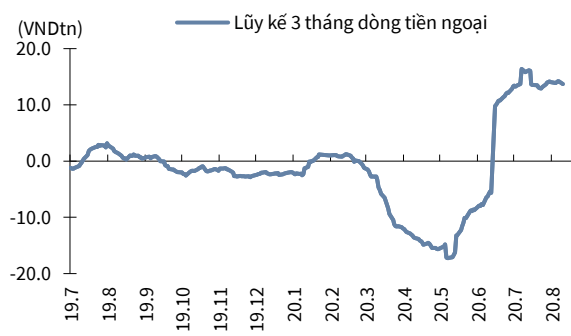
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



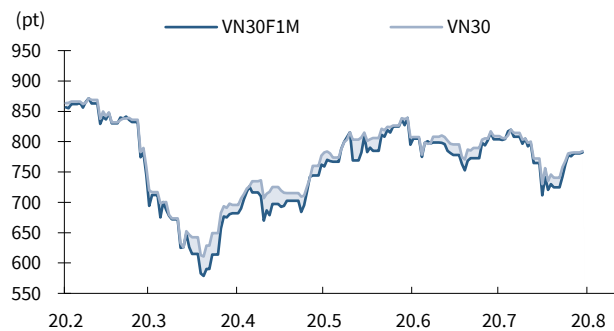
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	784.30 (+0.27%)
VN30F1M	782.4 (+0.23%)
Mở cửa	787.2
Cao nhất	794.5
Thấp nhất	782.4
KLGD (HĐ)	179,627 (-32.5%)

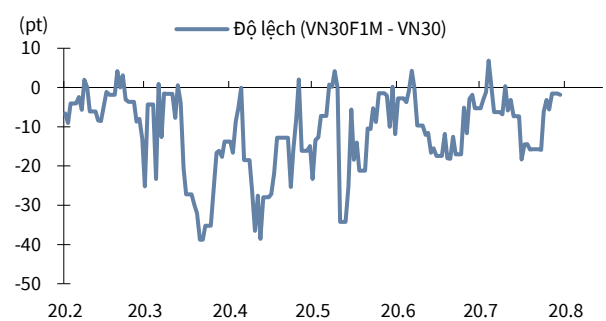
Các HĐTL diễn biến tăng nhẹ sau khi Việt Nam chưa ghi nhận ca nhiễm mới trong ngày hôm nay. Chênh lệch F2008 và VN30 mở cửa ở 5.35, và nhanh chóng tăng lên mức cao nhất trong ngày 9.05 nhờ sự khởi sắc của thị trường cơ sở, trước khi giao động quanh 0 và 3.7 trong hầu hết thời gian. Chênh lệch bắt đầu giảm dần vào cuối phiên và đóng cửa ở mức -1.9 khi nhà đầu tư thực hiện cover vị thế long trong ngày. NĐTNN bán ròng trong phiên hôm nay. Thanh khoản giảm đáng kể xuống mức trung bình.

HĐTL VN30F1M & VN30



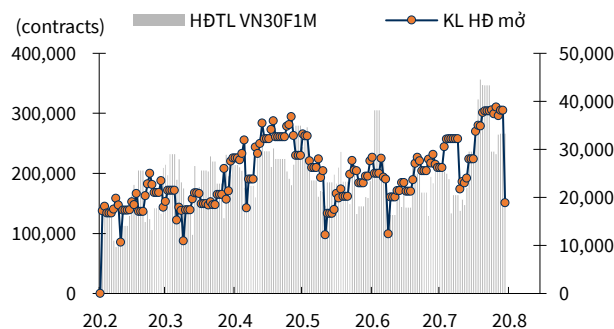
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



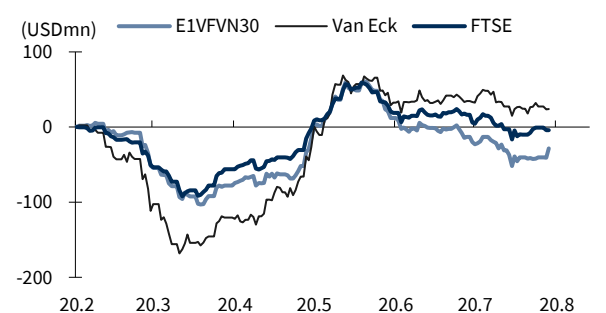
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

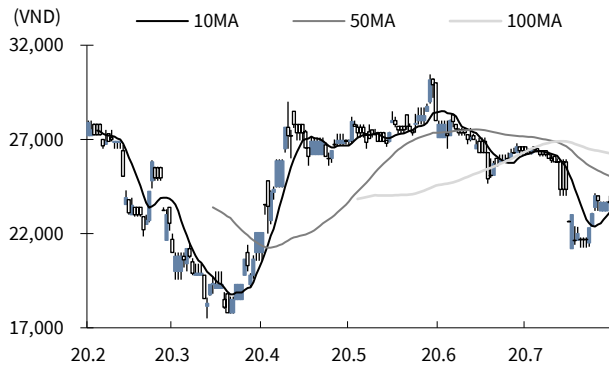
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Vietnam Airlines (HVN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HVN đi ngang đóng cửa ở 23,650 VNĐ/cp.
- Trong buổi họp ĐHCĐ thường niên mới đây, HVN công bố kế hoạch huy động thêm 12,000 tỷ đồng (bao gồm tăng vốn điều lệ thêm 8,000 tỷ đồng và vay 4,000 tỷ đồng) nhằm bổ sung dòng tiền cho hoạt động của công ty (dự kiến sẽ hết vào cuối tháng 8).
- HVN đồng thời cũng điều chỉnh kế hoạch khai thác các đường bay sang Châu Âu và Úc sớm nhất vào mùa xuân 2021 (so với kế hoạch trước đó là hết 2020), do dịch Covid-19 tái bùng phát tại Việt Nam.

10/08/2020

Chuyên viên phân tích Công nghệ & Logistic
 Nguyễn Anh Tùng
 (+84) 24-7303-5333 tungna@kbsec.com.vn

1H2020, doanh thu giảm 9.4% yoy,
 LNST giảm 7.7% yoy.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu đạt 327.9 tỷ VND, giảm 9.4% yoy; biên lợi nhuận gộp đạt 78.2%, giảm nhẹ 0.8% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 221.2 tỷ VND, giảm 7.7% yoy.

Dự án mở rộng ga hàng hóa bị hoãn lại do dịch Covid

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, kế hoạch đầu tư giai đoạn 2 ga hàng hóa nâng công suất từ 200,000 tấn/năm lên 350,000 tấn/năm nhiều khả năng sẽ không được thực hiện cho đến khi sản lượng tăng trưởng trở lại. Việc mở rộng ga hàng hóa trong tương lai sẽ đảm bảo đáp ứng các nhu cầu phát sinh tăng thêm, qua đó duy trì tăng trưởng trong dài hạn của SCS.

Các kế hoạch mua bán & sáp nhập vẫn đang trong giai đoạn đàm phán

SCS đang trong quá trình đàm phán để tiến hành mua bán & sáp nhập với một công ty hoạt động khai thác ga hàng hóa tại sân bay Quốc tế Nội Bài cùng với một doanh nghiệp hoạt động trong chuỗi logistic hàng không khu vực phía Nam. Hiện tại chưa có thông tin cụ thể về công ty đang đàm phán với SCS. Các thương vụ M&A nếu thành công sẽ đem lại động lực tăng trưởng trong dài hạn mới cho SCS.

SCS thông qua phương án chi trả cổ tức tiền mặt 80% cho năm 2019

Tại đại hội cổ đông, SCS đã thông qua phương án chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 80% cho năm 2019 tương đương tỷ suất cổ tức tại ngày 05/08/2020 đạt 7.3%. Với dòng tiền mạnh mẽ và không phát sinh nợ vay trong hoạt động kinh doanh, chúng tôi cho rằng SCS sẽ tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ tức tiền mặt cao trong các năm tới.

Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu SCS

Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu SCS, giá mục tiêu là 148,500VND/Cổ phiếu, cao hơn 34.9% so với giá đóng cửa ngày 07/08/2020

Mua

Giá mục tiêu 148,500 VND

Tăng/giảm (%)	34.9%
Giá hiện tại (July 07)	VND 110,100
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 130,500
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/triệu USD)	5,528/1.6

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2018A	2019A	2020A	2021E
Doanh số thuần (tỷ VND)	675	748	647	739
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh (tỷ VND)	469	540	474	540
Lợi nhuận của cổ đông của công ty mẹ (tỷ VND)	437	502	439	501
EPS (VNĐ)	7,645	8,725	7,625	8,702
Tăng trưởng EPS (%)	26.9%	14.1%	-12.6%	14.1%
P/E (x)	14.40	12.62	14.44	12.65
P/B (x)	7.11	6.31	5.80	5.32
ROE (%)	49.40%	50.01%	40.19%	42.01%
Tỷ suất cổ tức, phổ thông (%)	7.2%	6.6%	6.4%	7.2%

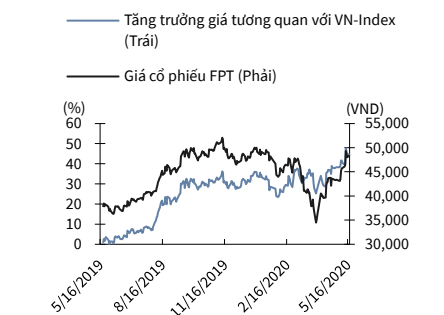
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	98.5%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	3,4/4.1
Sở hữu nước ngoài còn lại (%)	27.3%
Cơ cấu cổ đông	Gemadept (32.58%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
SCS	12.6	1.5	-6.4	27.6
VNINDEX	7.2	-10.8	-18.4	-15.2



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

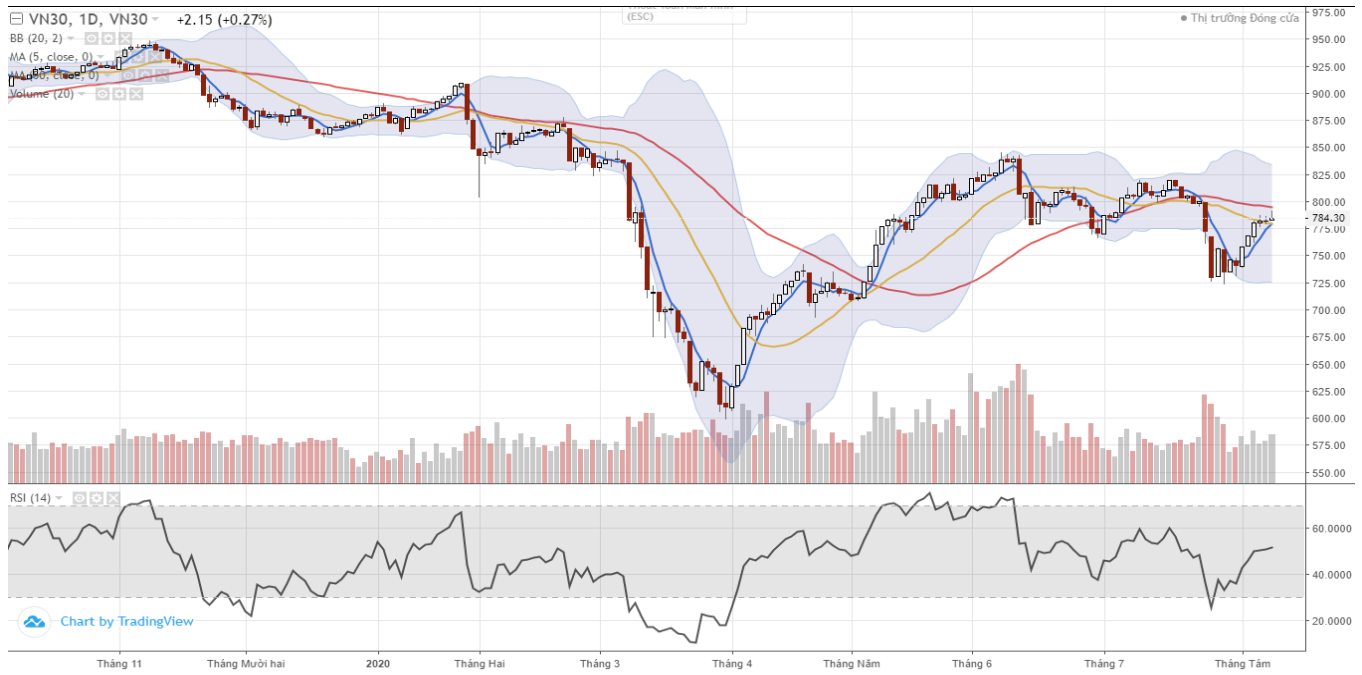
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

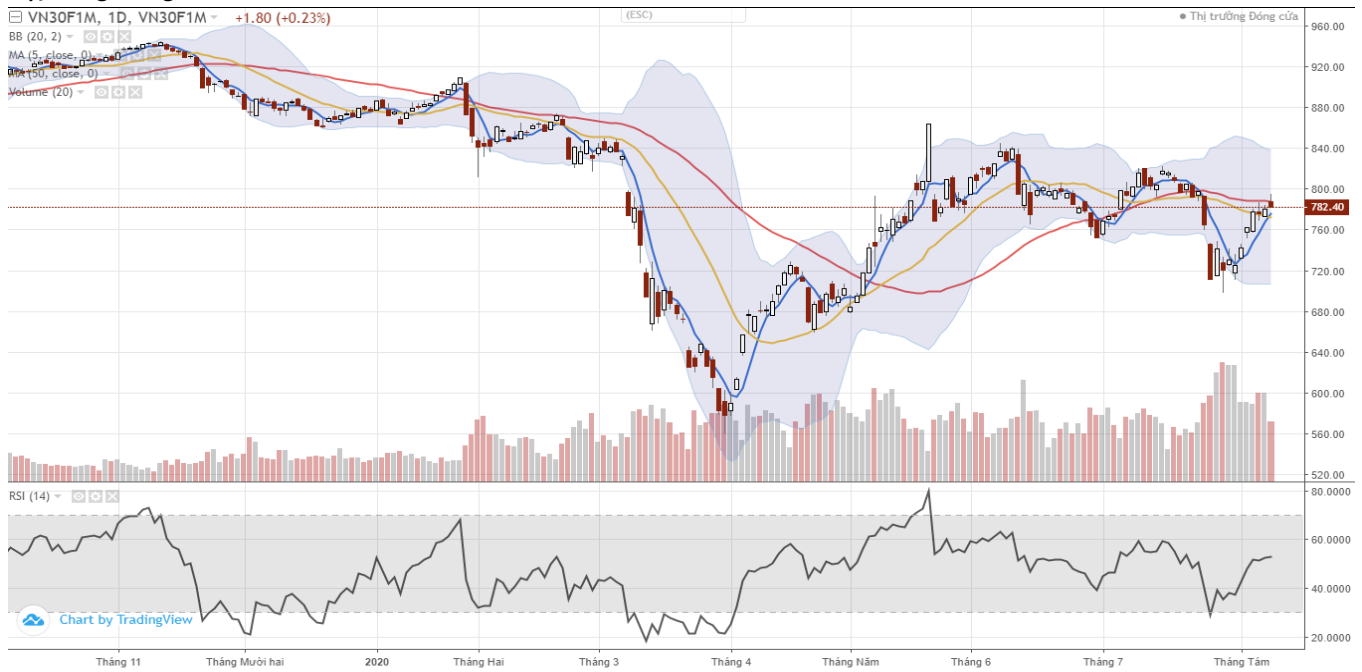
- VNIndex giao dịch khởi sắc đầu phiên nhưng áp lực bán gia tăng vào cuối phiên đã thu hẹp gần hết đà tăng trong ngày.
- Sự xuất hiện của mẫu nến tiêu cực inverted hammer khi chỉ số tiến sát vùng cản 85x khiến cho rủi ro đảo chiều tiếp tục gia tăng.
- Sau khi giảm tỷ trọng, NĐT được khuyến nghị chờ đợi những phiên điều chỉnh mạnh, khi VNINDEX quay xuống vùng hỗ trợ 820-825 trước khi mở lại 1 phần vị thế trading ngắn hạn.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực thử thách cận dưới của vùng kháng cự không thành công, VN30 và F1 đã vấp phải áp lực bán mạnh vào cuối phiên, thu hẹp gần hết đà tăng điểm.
- Với sự xuất hiện của mẫu nến tiêu cực inverted hammer sau 2 tín hiệu cảnh báo các phiên trước đó, chúng tôi tiếp tục cho rằng rủi ro đảo chiều đang ngày càng gia tăng.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên mở vị thế SHORT ở những vùng kháng cự trong phiên.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

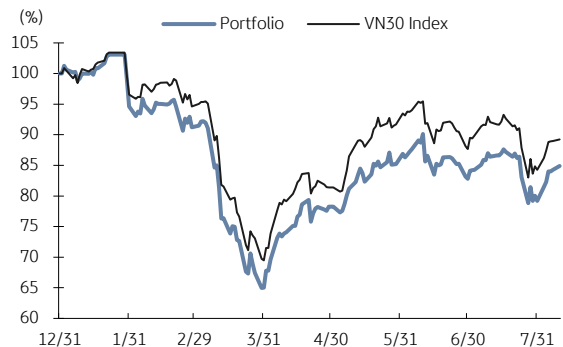
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.27%	0.75%
Tăng lũy kế (YTD)	-10.78%	-15.08%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 10/08/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	79,000	0.5%	-31.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,600	2.9%	-0.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	55,300	0.2%	-27.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	16,450	0.9%	-16.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	34,550	-0.1%	1.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	47,200	0.2%	41.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	22,800	0.2%	-6.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	100,000	-0.3%	-22.6%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,300	0.4%	24.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	13,650	2.6%	-0.4%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HDB	1.7%	20.6%	9.1
FUEVFNVD	1.6%	100.0%	7.3
PHR	2.1%	11.2%	6.7
E1VFN30	0.7%	98.4%	6.7
STB	1.4%	9.1%	5.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.8%	11.5%	6.7
VCS	0.0%	2.9%	0.3
CVN	-4.5%	0.0%	0.1
AMV	0.0%	3.8%	0.1
IDV	2.6%	15.0%	0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	6.4%	HPG, HSG
Hóa chất	6.0%	GVR, PHR
Bảo hiểm	5.0%	BVH, BIC
Xây dựng và Vật Liệu	5.0%	VGC, CTD
Thực phẩm và đồ uống	4.8%	VNM, SAB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	1.6%	HPX, KOS
Y tế	2.4%	DBD, OPC
Dịch vụ tài chính	2.5%	IBC, TVB
Công nghệ thông tin	3.0%	SAM, ITD
Ngân hàng	3.5%	TPB, EIB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	5.5%	HPG, SHI
Y tế	1.3%	DHG, TRA
Bất động sản	-1.1%	NVL, VHM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.3%	NT2, BWE
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.5%	REE, GEX

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-8.5%	VJC, HVN
Truyền thông	-8.3%	YEG, PNC
Dịch vụ tài chính	-5.6%	HCM, SSI
Hóa chất	-4.2%	GVR, DGC
Bảo hiểm	-4.0%	PGI, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	88,200	298,330 (12,872)	33,129 (1.4)	22.8	47.4	30.4	19.3	8.7	8.9	3.3	3.0	0.8	0.7	-3.5	-23.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,600	261,845 (11,298)	127,441 (5.5)	28.8	9.9	9.0	33.6	37.9	28.9	3.1	2.4	0.0	1.4	0.3	-6.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	26,650	60,557 (2,613)	62,837 (2.7)	18.2	23.3	17.5	3.9	9.9	11.9	2.1	2.0	0.9	3.9	-1.5	-21.6
	NVL	NO VA LAND INVES	64,800	62,826 (2,711)	83,346 (3.6)	32.1	18.2	18.4	0.4	13.4	12.2	2.4	2.1	0.3	0.8	1.9	8.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,500	12,852 (555)	13,309 (0.6)	5.3	12.6	10.6	11.8	14.0	15.5	1.6	1.5	-0.2	3.8	1.4	-8.9
	DXG	DAT XANH GROUP	9,640	5,001 (216)	38,644 (1.7)	10.7	5.6	4.6	-20.0	11.8	13.5	0.6	0.6	2.3	6.4	-	-33.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	81,900	303,757 (13,106)	64,514 (2.8)	6.3	18.3	15.0	11.9	19.8	19.5	3.1	2.6	-1.2	3.9	-1.0	-9.2
	BID	BANK FOR INVESTM	38,100	153,239 (6,612)	31,861 (1.4)	12.3	33.2	18.9	-11.3	9.1	12.3	2.1	1.9	0.0	2.4	-8.2	-17.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	19,400	67,903 (2,930)	33,000 (1.4)	0.0	6.7	5.7	3.8	15.8	15.5	0.9	0.8	1.3	4.3	-5.1	-17.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	22,800	84,894 (3,663)	89,711 (3.9)	0.0	12.7	9.4	16.4	10.1	12.0	1.1	1.0	0.2	4.8	-4.2	9.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	21,350	52,046 (2,246)	70,840 (3.1)	0.0	6.9	5.7	-1.3	16.5	16.7	1.0	0.9	0.5	1.9	-5.7	6.8
	MBB	MILITARY COMMERC	16,450	39,668 (1,712)	64,629 (2.8)	0.0	5.3	4.5	7.4	18.5	17.9	0.9	0.7	0.9	1.5	-4.6	-20.9
	HDB	HDBANK	26,500	25,597 (1,104)	22,145 (1.0)	9.4	6.5	5.4	18.4	20.9	21.6	1.1	1.0	1.7	8.6	-0.6	-3.8
	STB	SACOMBANK	10,600	19,119 (825)	103,249 (4.5)	14.5	10.6	6.8	10.6	8.3	10.0	-	-	1.4	2.4	-8.2	5.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	21,000	17,148 (740)	1,398 (0.1)	0.0	6.0	5.0	34.4	22.4	18.4	1.1	0.9	0.5	1.7	-3.2	-0.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	16,850	20,716 (894)	3,658 (0.2)	0.0	36.2	34.7	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.2	-0.3	1.5	-4.3	-5.3	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	45,400	33,701 (1,454)	26,723 (1.2)	20.8	32.4	24.4	-5.4	5.9	7.5	1.7	1.7	1.1	5.1	-5.2	-33.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	21,350	1,950 (084)	2,859 (0.1)	13.9	-	-	-	7.6	8.6	0.9	0.8	-1.4	4.4	-4.9	-13.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	14,400	8,653 (373)	79,391 (3.4)	50.9	10.2	8.0	-17.7	8.2	10.7	0.8	0.8	1.1	2.1	-9.7	-7.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,400	3,516 (152)	12,903 (0.6)	70.9	7.6	5.9	-24.9	11.1	13.0	0.8	0.7	0.0	2.1	-	-27.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	17,350	5,293 (228)	35,799 (1.5)	48.9	11.9	7.4	-22.5	11.0	17.1	1.2	1.1	1.2	1.2	-	-18.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	11,500	2,398 (103)	6,571 (0.3)	13.1	10.3	6.5	-19.1	7.4	11.2	0.7	0.7	0.4	1.3	-	-20.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	114,500	199,388 (8,603)	129,717 (5.6)	41.3	19.3	18.1	6.2	37.7	38.1	6.7	5.9	-0.9	4.9	-0.7	-1.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	179,900	115,366 (4,978)	34,164 (1.5)	36.8	28.9	25.0	-2.2	20.5	23.0	5.7	5.1	-2.2	6.4	-	-21.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	54,500	63,708 (2,749)	68,757 (3.0)	10.3	56.4	26.8	-50.7	3.0	7.2	1.4	1.4	0.7	3.6	-4.2	-3.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,050	13,358 (576)	11,201 (0.5)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	0.0	0.4	-	-13.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	100,000	52,384 (2,260)	30,193 (1.3)	12.1	183.2	12.3	-76.5	11.6	24.2	3.3	3.5	-0.3	4.2	-7.4	-31.6
	GMD	GEMADEPT CORP	20,050	5,953 (257)	6,200 (0.3)	0.0	15.4	13.6	-54.8	6.9	7.7	1.0	1.0	-1.0	8.1	4.4	-13.9
	CII	HO CHI MINH CITY	17,600	4,204 (181)	23,331 (1.0)	33.6	12.4	13.1	105.5	7.7	7.0	0.9	0.9	1.4	0.6	-3.3	-21.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,370	1,345 (058)	26,063 (1.1)	46.7	-	-	-	-	-	-	-	3.5	10.7	-	-86.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,400	10,057 (434)	75,711 (3.3)	33.2	13.8	10.8	-16.2	11.7	13.9	-	-	0.5	10.6	6.7	10.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	77,200	5,890 (254)	61,928 (2.7)	2.4	10.2	10.1	-37.9	6.7	7.0	0.7	0.7	-1.8	10.1	-2.3	50.5
	REE	REE	34,550	10,712 (462)	16,269 (0.7)	0.0	7.0	6.3	-10.3	12.9	14.0	0.9	0.9	-0.1	2.5	8.0	-4.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	70,500	134,933 (5,822)	40,188 (1.7)	45.8	18.0	14.1	-18.6	15.5	19.2	2.7	2.6	0.4	4.9	-5.1	-24.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	21,800	6,276 (271)	8,225 (0.4)	30.6	8.9	8.6	-2.4	16.7	17.9	1.5	1.4	-0.2	6.1	-1.8	0.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,200	7,438 (321)	3,150 (0.1)	32.6	8.0	8.5	-8.9	15.5	14.5	1.2	1.2	0.0	0.0	-5.7	-13.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,300	80,513 (3,474)	338,034 (14.6)	13.2	8.9	7.2	2.5	18.2	19.5	1.4	1.2	0.4	6.1	5.1	24.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	13,650	5,342 (230)	33,432 (1.4)	38.4	8.9	9.2	-0.7	8.8	8.1	0.7	0.6	0.7	-3.5	-6.8	5.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	8,360	4,426 (191)	12,926 (0.6)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	2.1	3.0	-7.1	28.6
	HSG	HOA SEN GROUP	11,400	5,065 (219)	108,262 (4.7)	38.8	6.7	6.9	38.6	13.9	11.4	0.8	0.7	1.8	12.3	-3.0	53.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	11,550	2,439 (105)	18,291 (0.8)	97.5	5.4	6.3	45.9	13.4	10.4	0.6	0.5	1.3	3.1	-7.6	-9.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	45,200	54,503 (2,352)	24,440 (1.1)	5.4	38.2	15.8	-35.7	7.1	15.3	2.3	1.9	1.3	3.3	-2.5	-19.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	10,350	4,359 (188)	34,846 (1.5)	37.0	40.6	19.6	-15.6	0.9	0.9	0.3	0.3	2.5	10.0	-0.5	-31.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	10,200	2,871 (124)	10,691 (0.5)	26.6	6.8	5.8	-19.1	8.9	9.9	0.5	0.5	0.5	6.3	-2.4	-39.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	79,000	35,773 (1,543)	63,413 (2.7)	0.0	10.2	7.8	9.8	26.2	27.5	2.3	1.9	0.5	3.9	-4.7	-30.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	55,300	12,449 (537)	27,155 (1.2)	0.0	14.5	11.8	-2.7	20.9	23.1	2.4	2.2	0.2	4.7	-7.7	-35.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	49,250	1,453 (063)	1,164 (0.1)	69.3	20.7	15.1	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.2	3.7	4.8	10.3	33.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	22,800	1,801 (078)	15,847 (0.7)	13.5	11.4	9.0	-31.9	11.8	13.7	1.3	1.1	5.6	8.6	-5.8	8.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	54,000	7,317 (316)	74,813 (3.2)	37.8	7.1	7.5	27.8	36.8	29.8	2.4	2.1	2.1	4.9	2.1	41.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	96,700	12,643 (546)	1,258 (0.1)	45.4	19.6	18.2	4.6	19.5	19.4	3.5	3.3	-0.1	5.5	4.0	5.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	63,500	4,763 (206)	687 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.5	0.8	16.9
IT	FPT	FPT CORP	47,200	37,000 (1,596)	70,877 (3.1)	0.0	10.6	9.0	19.5	24.3	25.9	2.4	2.1	0.2	2.8	-1.3	-6.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.